TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LX** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/DS – ST
Ngày: 26 – 7 – 2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Vân;

2.Ông Phan Bảo Duy.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2018/TLST – DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 60/2018/QĐST – DS ngày 03/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1964

Bà Võ Thị U, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 462/10, ấp MH, xã MHH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Ông B ủy quyền cho ông Huỳnh Thảo L, sinh năm 1982. Địa chỉ tại số xxx, tổ 11, đường Bùi Văn D, phường Mỹ X, thành phố LX, tỉnh An Giang (Việc ủy quyền được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Nhựt Quang ngày 22/5/2018, số chứng nhận 374, quyển số 01TP/CC – SCC/HĐGD) – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bà Võ Thị U có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Ngô Phúc H, sinh năm 1982

Bà Lê Thị Hồng CH, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp M A 1, xã MHH, thành phố LX, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Văn NG, sinh năm 1992

3.2. Ông Lê Văn Q, sinh năm 1995

3.3. Bà Lê Thị Mỹ NG1, sinh năm 1997

3.4. Ông Lê Văn NG2, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 462/10, ấp MH, xã MHH, thành phố LX, tỉnh An Giang – Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2018, các bản tự khai cũng như tại biên bản không tiến hành hòa giải được, đồng nguyên đơn là ông Lê Văn B và bà Võ Thị U trình bày:***

Vợ chồng ông B và bà U có mở cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản tên Chín B, được cấp giấy chứng nhận hộ đăng ký kinh doanh số 52A8017760, đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 14/4/2011, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 13/11/2017, người đại diện hộ kinh doanh là bà Võ Thị U. Khoảng năm 2012 - 2013, gia đình ông Ngô Phúc H và bà Lê Thị Hồng CH có nuôi cá điêu hồng và mua thức ăn ở cửa hàng của vợ chồng ông. Phương thức thanh toán theo thỏa thuận miệng là khi nào thu hoạch được cá thì trả tiền. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch cá thì ông H và bà CH cho rằng bị lỗ nên chỉ trả được một phần và còn nợ lại 36.425.000 đồng từ ngày 30/11/2015 đến nay. Sau khi ký biên nhận nợ thì ông H và bà CH không thanh toán thêm được phần nào mặc dù ông B liên tục nhắc nhở, yêu cầu trả nợ. Nay, ông B và bà U yêu cầu ông H và bà CH trả lại cho vợ chồng ông tiền mua thức ăn cho cá chưa trả là 36.425.000 đồng và yêu cầu trả lãi chậm thanh toán với lãi suất là 1%/ tháng, tính từ ngày 30/11/2015 đến khi vụ án được xét xử xong.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Lê Văn NG, ông Lê Văn Q, bà Lê Thị Mỹ NG1 và ông Lê Văn NG2 trình bày tại tờ tự khai ngày 13/3/2018***:

Các ông bà là những người chung hộ khẩu với ông Lê Văn B và bà Võ Thị U. Ông B và bà U mở cơ sở kinh doanh thức ăn thủy sản tên là Chín B và có giao dịch mua bán với ông H và bà CH. Do ông H và bà CH không thanh toán tiền mua thức ăn cho cá còn nợ nên ông B và bà U khởi kiện yêu cầu vợ chồng họ trả số tiền là 36.425.000 đồng. Việc mua bán thức ăn thủy sản là việc kinh doanh, làm ăn của ông B và bà U, các ông bà không liên quan đến. Các ông bà xác định chỉ đứng tên chung trong sổ hộ khẩu với ông B, bà U và các ông bà xác định không tranh chấp số tiền trên. Ngoài ra, các ông bà yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án do không liên quan.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có Đơn đề ngày 25/7/2018 về việc đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H, bà CH trả tiền lãi chậm thanh toán tính từ tháng 12/2015 đến ngày xét xử là 31 tháng với số tiền cụ thể là 11.292.000 đồng. Ông H và bà CH vắng mặt không lý do.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa ông H, bà CH có giao dịch mua thức ăn cho cá của ông B và bà U. Do ông H, bà CH vi phạm nghĩa vụ thanh toán và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 438, Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là ông Lê Văn B ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Huỳnh Thảo L. Việc ủy quyền này được lập thành văn bản, được chứng nhận tại Phòng Công chứng, về hình thức và nội dung ủy quyền không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Tranh chấp giữa ông Lê Văn B, bà Võ Thị U với ông Ngô Phúc H và bà Lê Thị Hồng CH là tranh chấp giữa hộ đăng ký kinh doanh và cá nhân về hợp đồng mua bán thức ăn cho cá nên được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Ông Huỳnh Thảo L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Ngô Phúc H và bà Lê Thị Hồng CH là đồng bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn không có mặt. Bà Võ Thị U là đồng nguyên đơn trong vụ án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Lê Văn NG, ông Lê Văn Q, bà Lê Thị Mỹ NG1 và ông Lê Văn NG2 có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông B, bà U, ông H, bà CH, ông NG, ông Q, bà NG1 và ông NG2.

Về nội dung:

[4] Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã ban hành các văn bản tố tụng nhưng ông H, bà CH vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, ông H và bà CH cũng không có ý kiến phản hồi về các chứng cứ mà Tòa án đã thông báo bằng Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ số 59/2018/TB – TA ngày 22/5/2018. Như vậy, ông H và bà CH đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định tại các Điều 70, Điều 72. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được để xem xét, giải quyết vụ án.

[5] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản chính biên nhận ngày 30 tháng 11 năm 2015 thể hiện H còn nợ 36.425.000 đồng. Ngoài ra, để có cơ sở giải quyết vụ án khách quan, toàn diện thì Tòa án còn tiến hành lập biên bản xác minh ngày 16/5/2018, được Ủy ban nhân dân xã MHH xác định ông H và bà CH là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MHH ngày 10/6/2008. Trước đây ông H có nuôi cá bè tại địa phương, hiện nay đã nghỉ.

[6] Như vậy, qua tài liệu chứng cứ đủ cơ sở xác định giữa hộ kinh doanh Võ Thị U và ông Ngô Phúc H, bà Lê Thị Hồng CH đã xác lập giao dịch dân sự là quan hệ hợp đồng mua bán thức ăn cho cá. Theo nguyên đơn trình bày, thời điểm các bên xác lập giao dịch là khoảng năm 2012 và năm 2013 nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 428, Điều 429, Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005 để xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy, do nghĩa vụ trả nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng ông H, bà CH. Do ông H và bà CH đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của mình, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên bán, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông B, bà U.

[8] Nguyên đơn yêu cầu ông H và bà CH phải trả tiền lãi chậm trả với lãi suất là 1%/tháng, tính tròn từ tháng 12/2015 đến khi vụ án được xét xử xong là 31 tháng. Yêu cầu này không trái với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận:

36.425.000 đồng x 1%/tháng x 31 tháng = 11.292.000 đồng (Mười một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng).

[9] ***<u>Về án phí dân sự sơ thẩm</u>*:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông B, bà U được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 910.000 đồng (Chín trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005070 ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.386.000 đồng (Hai triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 2 Điều 91, Điều 177, Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 305, Điều 428, Điều 429 và Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Ngô Phúc H và bà Lê Thị Hồng CH liên đới trách nhiệm trả cho ông Lê Văn B và bà Võ Thị U tổng số tiền 47.717.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng). Trong đó có 36.425.000 đồng (Ba mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là tiền mua thức ăn cho cá còn nợ và tiền lãi do chậm thanh toán là 11.292.000 đồng (Mười một triệu hai trăm chính mươi hai nghìn đồng).

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông B và bà U được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 910.000 đồng (Chín trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005070 ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Ông H và bà CH liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.386.000 đồng (Hai triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.LX;
- THADS TP.LX;
- Lưu VP, hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phạm Xuân Khanh